

# Mối quan hệ của tăng trưởng và tính minh bạch trong khu vực công

Lương Thị Ngọc Hà\*

*Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

---

## Tóm tắt

Nhiều nghiên cứu đã cho thấy mối quan hệ trực tiếp giữa khu vực công với tăng trưởng. Tuy nhiên, không có sự thống nhất trong kết quả nghiên cứu về tác động của khu vực công tới tăng trưởng, đặc biệt là các khía cạnh khác nhau của khu vực công, như: quy mô, mức độ phân cấp, tính minh bạch... Nghiên cứu này tập trung đánh giá mối quan hệ giữa tính minh bạch của khu vực công với tăng trưởng của các quốc gia, sử dụng bộ số liệu Đánh giá về thể chế và chính sách quốc gia (CPIA) của Ngân hàng Thế giới năm 2012. Kết quả cho thấy, có mối quan hệ giữa chất lượng của bộ máy hành chính và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng trong khu vực công tới tăng trưởng GDP. Tác động của việc nâng cao chất lượng bộ máy hành chính tới tăng trưởng GDP là tích cực giống như trong nhiều nghiên cứu trước đây. Ngược lại, chỉ số tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng lại có tác động tiêu cực tới tăng trưởng GDP.

Nhận ngày 12 tháng 8 năm 2016, Chỉnh sửa ngày 4 tháng 12 năm 2016, Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 12 năm 2016

*Từ khóa:* Khu vực công, tăng trưởng, tính minh bạch.

---

## 1. Đặt vấn đề

Khu vực công có vai trò hết sức quan trọng đối với mỗi quốc gia trong việc sửa chữa và hạn chế những thất bại của thị trường nhằm đảm bảo phúc lợi xã hội cao nhất cho người dân. Ngoài ra, tác động tràn của khu vực công tới các khu vực khác trong nền kinh tế cũng rất lớn. Khu vực công vận hành tốt là cơ sở vững chắc để các khu vực kinh tế khác cùng phát triển

Tuy nhiên, bản thân khu vực công với bộ máy hành chính khổng lồ cũng gặp phải những vấn đề hạn chế, ảnh hưởng tới sự vận hành của khu vực này cũng như toàn bộ nền kinh tế. Điển hình trong những thất bại của khu vực công hay chính phủ là tình trạng tham nhũng, thông tin thiếu minh bạch và tinh thần trách nhiệm thấp, hệ quả là các

khoản chi tiêu không hợp lý, đầu tư kém hiệu quả và những tác động xấu tới môi trường kinh doanh, hoạt động của khu vực tư nhân...

Nhằm hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và đảm bảo đời sống cho người dân, các quốc gia đều hướng tới việc hoàn thiện khu vực công, cụ thể là hạn chế những thất bại của khu vực này thông qua việc đẩy mạnh công khai, minh bạch thông tin, tăng cường trách nhiệm giải trình của bộ máy hành chính và thúc đẩy vai trò giám sát của các tổ chức xã hội dân sự. Nâng cao chất lượng quản trị của khu vực công và tính minh bạch của khu vực này được cho là có tác động lớn tới tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia.

Trong nghiên cứu này, tác giả kiểm định và đánh giá mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tính minh bạch của khu vực công thông qua sử dụng số liệu tổng hợp của các quốc gia trên thế giới. Cụ thể, nghiên cứu sử dụng bộ số liệu

---

\*ĐT.: 84-983331385

Email: ngocha313@yahoo.com

chỉ số quản lý khu vực công và thể chế (Country Policy and Institutional Assessment - CPIA) của Ngân hàng Thế giới. Theo tác giả, đây là bộ số liệu gần nhất với mục tiêu nghiên cứu và đầy đủ nhất cho đến nay.

## 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu và khung lý thuyết

Có nhiều chỉ số sử dụng để đo lường quản trị khu vực công nói chung và tính minh bạch của khu vực công nói riêng, như: CPIA, chỉ số ngân sách mở (Open Budget Index), chỉ số liêm chính toàn cầu (Global Integrity Index), chỉ số quản trị toàn thế giới (Worldwide Governance Indicators - WGI) hay chỉ số của Cơ quan Tình báo Kinh tế (EIU) và Tổ chức Hướng dẫn Quốc tế về Rủi ro Quốc gia (ICRG), chỉ số của tổ chức Freedom House, Tổ chức Sáng kiến Ngân sách Mở (Open Budget Initiative), chỉ số trách nhiệm giải trình tài chính và chi tiêu công (Public Expenditure and Financial Accountability (FEFA)). Mỗi chỉ số có những điểm mạnh và hạn chế riêng. Khi đánh giá các chỉ số, các chuyên gia xét theo các tiêu chí: (i) Rõ ràng: Nội dung được đo lường có rõ ràng không? Nó có nêu rõ các chính sách và thể chế hoặc các kết quả đầu ra về quản trị mà không gộp hai nội dung này thành một?; (ii) Minh bạch: Liệu thủ tục đo lường có khá minh bạch và có thể dùng để so sánh không?; (iii) Mỗi liên hệ theo thời gian: Các chỉ số này có thể sử dụng để so sánh theo thời gian không?; (iv) Mỗi liên hệ về chiến lược: Các chỉ số này có thể sử dụng để so sánh giữa các quốc gia không?; (v) Hữu ích cho đối thoại xây dựng: Các chỉ số này có “hiệu quả” không? Liệu các cuộc đánh giá có đề xuất được hành động nào rõ ràng và việc triển khai thực hiện các hành động đó có cải thiện được các chỉ số này trong tương lai không? Kết quả đánh giá các chỉ số này từ chuyên gia cho thấy ở một chừng mực nào đó thì chỉ số CPIA được đánh giá minh bạch hơn các chỉ số khác<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Báo cáo “Đánh giá các chỉ số quản trị và chống tham nhũng tại khu vực Đông Á và Thái Bình Dương”, Nhóm đánh giá độc lập của Ngân hàng Thế giới năm 2010.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả sử dụng nhóm chỉ số quản lý khu vực công và thể chế trong bộ chỉ số CPIA để chạy mô hình nhằm xem xét sự ảnh hưởng của tính minh bạch trong khu vực công đến tăng trưởng kinh tế.

### 2.1. Tổng quan về chỉ số CPIA và tăng trưởng kinh tế

CPIA là bộ chỉ số đánh giá chính sách và thể chế của các quốc gia trên thế giới do Ngân hàng Thế giới tiên hành. Mặc dù xếp hạng chỉ số CPIA được bắt đầu và sử dụng cho mục đích phân bổ nguồn vốn của Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA), thuộc nhóm Ngân hàng Thế giới, nhưng chúng cũng được sử dụng cho các mục đích rộng hơn. Ví dụ, Ngân hàng sử dụng xếp hạng CPIA cho các hoạt động khác của doanh nghiệp bao gồm báo cáo giám sát toàn cầu. Đánh giá này là tiền đề cho thấy CPIA là một chỉ số hữu ích đánh giá hiệu quả phát triển. Bộ chỉ số bao gồm 16 tiêu chí thuộc 4 nhóm: (A) Quản lý kinh tế; (B) Chính sách cơ cấu; (C) Chính sách đối với hòa nhập và công bằng xã hội; và (D) Quản lý khu vực công và thể chế. Bộ chỉ số CPIA đã trải qua sự thay đổi về số lượng tiêu chí và trọng số các tiêu chí theo thời gian. Về cơ bản, xu hướng thay đổi hướng đến việc nhấn mạnh tầm quan trọng của các yếu tố về quản lý trong khu vực công, cụ thể trọng số chung của nhóm quản trị khu vực công đã tăng từ 20% năm 1998 lên 25% năm 2000 và trong đánh giá phân bổ IDA đã tăng trọng số tiêu chí nhóm D lên 68% năm 2009 ( $CPIA = 0,24 * CPIA_{A-C} + 0,68 * CPIA_D + 0,08 * \text{hiệu quả đầu tư}$ ). Trong nhóm quản trị khu vực công đã có thêm chỉ số về quyền sở hữu và quản trị trên luật; chỉ số về trách nhiệm giải trình đã nhấn mạnh đến nội dung minh bạch và tham nhũng.

Đối với CPIA tổng thể thì các nhóm này có trọng số tương đương nhau (25%). Từ năm 2009, trong tính toán phân bổ IDA đã đánh giá rõ ràng trọng số các nhóm không đồng đều: ba nhóm đầu tiên từ A-C, mỗi nhóm 8%, nhóm quản trị D có trọng số 68% và 8% còn lại cho hiệu quả thực hiện danh mục đầu tư. Nói cách khác, nhóm quản lý khu vực công có trọng số gấp 8,5 lần mỗi nhóm khác. Điều này đã tạo

nên một liên kết yếu rõ rệt giữa chỉ số CPIA tổng thể và chỉ số CPIA trong phân bổ IDA, với hoạt động quản trị của một quốc gia (đặc biệt là liên quan đến hiệu quả của nó trong các nhóm chỉ số khác). Các nghiên cứu không cung cấp bằng chứng biện minh về cách chia trọng số cho bốn nhóm, dù là cho việc xếp hạng CPIA tổng thể hay tính toán phân bổ IDA. Về điểm đánh giá, mỗi chỉ số có giá trị từ 1 (thấp) đến 6 (cao), trong đó điểm càng cao cho thấy đánh giá càng tốt. Cụ thể, các tiêu chí của bốn nhóm được liệt kê trong Bảng 1.

Nghiên cứu về các yếu tố quyết định đến tăng trưởng đã trải qua sự phát triển trong hơn 50 năm. Trong những năm 1950-1960, các nghiên cứu tranh luận về việc hoạt động kinh tế trong dài hạn phụ thuộc vào nguồn vốn đầu tư và nâng cao tỷ lệ tiết kiệm thông qua một “cú hích”, từ đó đưa các nước phát triển tự lực hoặc “cắt cánh” như trong mô hình tăng trưởng kinh tế các giai đoạn của Rostow (1960). Những năm 1980, các nghiên cứu bắt đầu nhấn mạnh đến tầm quan trọng của một môi trường chính sách kinh tế tốt [31], được đặc trưng bởi mức thuế giảm, tỷ giá hối đoái thích hợp và lạm phát thấp. Sau đó, vào những năm 1990, các nghiên cứu nhấn mạnh những chính sách này sẽ chỉ có những tác động hạn chế trong sự thiếu vắng các cải cách thể chế cơ bản. Ngày nay, có sự đồng thuận tương đối trong các nghiên cứu xung quanh ý tưởng rằng không có công thức duy

nhất cho sự tăng trưởng và cần phải lưu tâm đến đặc trưng của quốc gia, bao gồm cả giai đoạn phát triển của quốc gia đó.

Chỉ số CPIA đánh giá sự thuận lợi về chính sách và khung khổ thể chế đối với phát triển bền vững, xóa đói giảm nghèo và việc sử dụng hiệu quả nguồn hỗ trợ phát triển của một quốc gia. Ở đây tác giả sẽ tập trung vào các chỉ số CPIA trong nhóm quản lý khu vực công và thể chế, đây cũng là nhóm chỉ số nhận được sự đồng thuận tương đối cao trong bộ chỉ số CPIA về mối quan hệ đối với tăng trưởng. Việc tổng quan các tài liệu nghiên cứu (về mặt lý thuyết cũng như thực nghiệm) chỉ ra rằng phần lớn các tiêu chí CPIA liên quan đến các chính sách và thể chế được cho là quan trọng cho sự phát triển kinh tế.

Các bằng chứng hiện có về tác động của hầu hết các chỉ tiêu đối với tăng trưởng là tích cực. Một ngoại lệ là tham nhũng, trong đó một số nghiên cứu trước đó (từ giữa năm 1960 đến giữa năm 1990) thừa nhận, tham nhũng có thể tác động tích cực đến tăng trưởng trong một số trường hợp có những biến dạng chính sách đã tồn tại như những quy định phổ biến và nặng nề, trong trường hợp này tham nhũng có thể giúp ích cho hiệu quả và tăng trưởng. Nhưng các nghiên cứu từ giữa những năm 1990 trở đi lại cho rằng, tham nhũng có tác động tiêu cực đến tăng trưởng.

Bảng 1. Các chỉ số CPIA

Nhóm A: Quản lý kinh tế	Nhóm B: Chính sách cơ cấu
q1. Quản lý kinh tế vĩ mô	q4. Chính sách thương mại
q2. Chính sách tài khóa	q5. Khu vực tài chính
q3. Chính sách nợ	q6. Môi trường kinh doanh
Nhóm C: Tham gia xã hội/bình đẳng	Nhóm D: Quản lý khu vực công và thể chế
q7. Bình đẳng giới	q12. Quyền/luật sở hữu dựa trên nguyên tắc quốc gia
q8. Sử dụng vốn công	q13. Quản lý tài chính và ngân sách
q9. Xây dựng nguồn nhân lực	q14. Hiệu quả huy động vốn
q10. Bảo vệ xã hội và lao động	q15. Chất lượng hành chính công
q11. Tính bền vững về môi trường	q16. Tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng

Nguồn: Nhóm đánh giá độc lập, thuộc nhóm Ngân hàng Thế giới (IEG)

Bảng 2. Các yếu tố quyết định đến tăng trưởng và chỉ số nhóm CPIA quản lý khu vực công và thể chế

Yếu tố quyết định tăng trưởng	Nhóm quản lý khu vực công và thể chế	
Tổ chức và quản trị	Bảo đảm quyền sở hữu	Quyền sở hữu và quản trị theo luật (TC12)
	Quy định của luật	Quyền sở hữu và quản trị theo luật (TC12)
	Sự tin nhiệm của chính phủ, tham nhũng	Minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng trong khu vực công (TC16)
	Chất lượng của bộ máy quan liêu	Chất lượng hành chính công (TC15)
Đầu tư, năng suất và đổi mới công nghệ	Hệ thống tài chính kiện toàn	Quản lý tài chính và ngân sách (TC13)
	Chế độ đầu tư ổn định	Huy động nguồn thu (TC14)
	Chống lại tham nhũng	Quyền sở hữu và quản trị theo luật (TC12) Minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng trong khu vực công (TC16)

Nguồn: IEG, dựa theo Cage (2009)

## 2.2. Mối quan hệ giữa các chỉ số quản lý khu vực công và thể chế với tăng trưởng kinh tế

Các chỉ số CPIA trong nhóm D có mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế một cách gián tiếp thông qua tác động đến các yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế.

### *Quyền sở hữu rõ ràng và được bảo vệ tốt*

Các nghiên cứu chỉ ra quyền sở hữu có liên quan đến các yếu tố tăng trưởng: Quyền tài sản gắn liền với thu nhập bình quân đầu người [5]; quyền tài sản gắn liền với các khoản đầu tư [1, 4]; mối tương quan tích cực giữa quyền sở hữu và các nghiên cứu tăng trưởng xuyên quốc gia [17, 23, 12, 28] cũng như mối tương quan tích cực giữa quyền sở hữu với phát triển kinh tế vĩ mô [15, 21].

Sự rõ ràng và tính có thể dự đoán được của các quy định và pháp luật về quyền sở hữu có tác động đến các doanh nghiệp và cá nhân: tạo sự tin tưởng cho người dân và thông qua đó khuyến khích đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng [11], và mối quan hệ giữa tăng trưởng với các quy định này là mối quan hệ tích cực.

### *Chất lượng quản lý ngân sách và tài chính*

Quản lý tài chính và ngân sách tốt có tầm quan trọng đặc biệt ở các nước đang phát triển vì sự thiếu kỷ luật tài chính tổng hợp có thể dẫn đến thâm hụt không bền vững lớn, từ đó dẫn đến kinh tế vĩ mô không ổn định (lạm phát cao, lãi suất cao, thâm hụt tài khoản vãng lai), cuối

cùng là làm chậm tăng trưởng [9, 29]. Quản lý chi tiêu công hiệu quả hơn cùng sự ổn định kinh tế vĩ mô và ngân sách là yếu tố quan trọng đối với chi tiêu công để phục vụ tốt hơn cho người nghèo [20].

### *Hiệu quả huy động nguồn thu*

Yếu tố này liên quan một cách gián tiếp đến tăng trưởng thông qua chính sách thuế.

### *Chất lượng hành chính công*

Đây là một yếu tố quan trọng đối với tăng trưởng. Các nghiên cứu cho thấy cải cách hành chính có thể thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, giảm nghèo bằng cách loại bỏ những trở ngại để phát triển khu vực tư do một khu vực công kém hiệu quả tạo ra. Cải cách này cũng có thể làm tăng nguồn lực công cho các khoản chi ưu tiên; giảm tham nhũng; nâng cao trách nhiệm của khu vực công. Mauro (1995) cho rằng hiệu quả của bộ máy hành chính có liên quan đến tỷ lệ tốt hơn về đầu tư và tăng trưởng [23]. Deolalikar và cộng sự (2002) nhấn mạnh cải cách hành chính, trong đó có cải cách bộ máy hành chính và dịch vụ dân sự là một trong những mối quan tâm chính của cải cách liên quan đến các tổ chức công để giảm nghèo. Hiệu quả bộ máy hành chính là rất quan trọng, thậm chí là rất cần thiết đối với việc thực hiện và duy trì một môi trường chính sách thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế [13].

*Tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng trong khu vực công*

Đối với chỉ số này, cần phải xem xét riêng biệt tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và vấn đề tham nhũng.

- Trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành pháp đối với các tổ chức giám sát và các viên chức đối với hiệu suất hoạt động của họ. Trách nhiệm giải trình là yếu tố rất quan trọng đối với tăng trưởng. Một số nghiên cứu thực nghiệm cho thấy những lợi ích của trách nhiệm giải trình đối với chất lượng chính phủ [5, 8, 22]. Trách nhiệm giải trình của các quan chức được bầu cũng được cho là có ý nghĩa trực tiếp đối với sự tăng trưởng kinh tế [6, 16].

- Tham nhũng: Có hai xu hướng mà các nghiên cứu chỉ ra đối với tác động của tham nhũng đến tăng trưởng:

*Thứ nhất*, tham nhũng có tác động tích cực đến tăng trưởng: Trong trường hợp có những biến dạng chính sách tồn tại từ trước trong đó bao gồm các quy định phổ biến và rườm rà, tham nhũng có thể giúp ích cho hiệu quả và tăng trưởng [18, 19, 4].

*Thứ hai*, tham nhũng có tác động tiêu cực đến tăng trưởng: Tham nhũng có liên quan trực tiếp đến những thay đổi trong sự tăng trưởng của thu nhập bình quân đầu người [17]. Tham nhũng và quan liêu có liên quan đáng kể với mức tăng của đầu tư, được thể hiện bằng thực nghiệm là một trong những yếu tố dự báo mạnh mẽ nhất của tăng trưởng [23]. Tham nhũng có tác động bất lợi về đầu tư và tăng trưởng [4]. Tham nhũng làm tăng sự không chắc chắn, do đó giảm bớt đầu tư vào vốn vật chất và con người [3].

- Tương quan tiêu cực giữa tự do báo chí và tham nhũng [2, 7]: Chiến dịch truyền thông qua đài phát thanh và báo chí thông báo cho cộng đồng địa phương về quyền của họ đối với quỹ học từ chính quyền trung ương Uganda (cùng với sự gia tăng giám sát của chính phủ) làm giảm việc sử dụng sai các nguồn quỹ chính quyền cấp tỉnh từ 80% xuống 20% [26]. Truyền thông đại chúng làm cho chính quyền có trách nhiệm hơn [6]. Truyền thông có thể làm cân

bằng đối với sức mạnh của nhóm lợi ích đặc biệt bằng cách thông báo cử tri [8].

### 2.3. Điểm số đánh giá tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng (q16)

Đánh giá mức độ tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng trong khu vực công gồm 3 nội dung chính. Trước tiên là trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành pháp đối với các tổ chức giám sát và của công chức đối với hiệu suất làm việc của họ, tiếp đó là sự tiếp cận của xã hội dân sự đối với thông tin về các vấn đề công cộng, nói cách khác là tính minh bạch về thông tin cũng như quá trình thực hiện trong lĩnh vực công; và cuối cùng là kiểm soát chính phủ của các nhóm lợi ích hẹp. Tác động của chỉ số này theo chiều hướng nào đến khu vực công chưa nhận được sự đồng thuận lớn từ các nhà kinh tế.

Điểm số được đánh giá từ 1 đến 6, tính đến từng nửa điểm, trong đó số điểm càng cao cho thấy tính minh bạch của khu vực công càng lớn, khả năng tiếp cận thông tin về khu vực công càng cao và vấn đề tham nhũng được kiểm soát tốt hơn, không có sự thao túng của các nhóm lợi ích trong khu vực công.

### 3. Biện giải và kết quả mô hình

Nghiên cứu sử dụng mô hình phát triển từ mô hình tăng trưởng nội sinh với giá thiết thể chế và các chính sách quốc gia có tác động trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế của quốc gia đó. Bên cạnh hai biến giải thích thường thấy trong các mô hình tăng trưởng cổ điển là vốn và lao động, biến nội sinh được mở rộng bao gồm các biến được lấy từ bộ số liệu CPIA của Ngân hàng Thế giới trong mục quản trị khu vực công và thể chế, bao gồm: quyền sở hữu tài sản, chất lượng quản lý tài chính và ngân sách, tính minh bạch của khu vực công, hiệu quả huy động vốn, chất lượng hành chính công, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng (Bảng 3).

Kết quả từ kiểm định Hausman loại bỏ giải thuyết hiệu ứng của các biến không có tương quan với các biến hồi quy khác, do đó, nghiên

cứ sử dụng mô hình tác động ngẫu nhiên (Random effect).

Mô hình:  $Y = F(K, L, CPIA)$

- Biến phụ thuộc: Tốc độ tăng trưởng GDP

- Biến kiểm soát gồm biến Von và biến Laodong

+ Von: Vốn (Tổng vốn cố định)

+ Laodong: Lao động (Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động)

+ Và 5 biến phụ thuộc CPIA

$$\begin{aligned} Tangtruong\_GDP &= \beta_1 CPIA\_Quyensohuu + \beta_2 \\ CPIA\_Chatluongngansach &+ \beta_3 \\ CPIA\_Hieuquahuydongvon &+ \beta_4 \\ CPIA\_Chatluonghanhchinhhong &+ \beta_5 \\ CPIA\_Tinhminhbach &+ \beta_6 Von + \beta_7 Laodong \end{aligned}$$

Bảng 3. Mô tả các biến trong mô hình

Tên biến	Giải thích biến	Ý nghĩa
<i>Tangtruong_GDP</i>	Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm theo giá thị trường.	103,54
<i>CPIA_Quyensohuu</i>	Quyền/luật sở hữu dựa trên luật: (a) Các quyền về hợp đồng và bảo đảm sở hữu tài sản; (b) Dự báo, minh bạch; tính công bằng của pháp luật và việc thực thi luật pháp của họ; (c) Tội phạm và bạo lực như là một trở ngại cho hoạt động kinh tế.	4,85
<i>CPIA_Chatluongngansach</i>	Chất lượng quản lý tài chính và ngân sách: (a) Ngân sách đáng tin cậy và toàn diện liên quan đến các ưu tiên chính sách; (b) Hệ thống quản lý tài chính có hiệu quả; (c) Báo cáo, kế toán chính xác và kịp thời.	5,83
<i>CPIA_Hieuquahuydongvon</i>	Hiệu quả huy động vốn: chính sách thuế, quản lý thuế.	6,4
<i>CPIA_Chatluonghanhchinhhong</i>	Chất lượng hành chính công: (a) Phối hợp và đáp ứng chính sách; (b) Cung cấp dịch vụ và hiệu quả hoạt động; (c) Mức độ thưởng phạt xứng đáng và đạo đức; (d) Thanh toán đầy đủ và quản lý hóa đơn tiền lương.	5,12
<i>CPIA_Tinhminhbach</i>	Tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng: (a) Trách nhiệm giải trình của cơ quan hành pháp đối với các tổ chức giám sát và công chúng; (b) Việc tiếp cận của xã hội dân sự đến thông tin về các vấn đề công cộng; (c) Nhà nước có bị chi phối bởi các nhóm lợi ích hay không.	5,12
Von	Tăng trưởng bình quân hàng năm của tổng chi phí đầu tư dựa theo đồng nội tệ hiện hành (trước đây được gọi là tổng đầu tư cố định trong nước), bao gồm cải tạo đất (hàng rào, mương, cống thoát nước...); nhà máy, máy móc, thiết bị; xây dựng các tuyến đường bộ, đường sắt; trường học, văn phòng, bệnh viện, các tòa nhà thương mại và công nghiệp.	73,15
Laodong	Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là tỷ lệ dân số trong độ tuổi 15-64, tham gia cung ứng lao động cho sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong một thời hạn nhất định.	79,04

Nguồn: Thống kê của tác giả

Số liệu được sử dụng để chạy mô hình bao gồm 72 quốc gia với các trình độ phát triển khác nhau do biến phụ thuộc được sử dụng là tốc độ tăng trưởng GDP. Các số liệu vĩ mô như tăng trưởng GDP, vốn và lao động được lấy từ

bộ số liệu Chỉ số phát triển thế giới (WDI), trong khi các biến CPIA được lấy từ bộ số liệu CPIA năm 2012 (năm gần nhất có số liệu đầy đủ của nhiều quốc gia).

Kết quả mô hình cho thấy khá phù hợp với những lập luận về mối quan hệ giữa các biến giải thích và tốc độ tăng trưởng GDP. Cụ thể trong mô hình có 4 biến có ý nghĩa đối với tăng trưởng GDP bao gồm: 2 biến kiểm soát vốn (Von) và lao động (Laodong), 2 biến CPIA là chất lượng hành chính công (CPIA\_ChatluongHCC) và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng (CPIA\_Tinhminhbach).

Bảng 4. Kết quả mô hình

Các biến	Hệ số
CPIA_Quyensohau	1,298 (1,720)
CPIA_Chatluongngansach	0,433 (1,059)
CPIA_Hieuquahuydongvon	0,404 (1,019)
<b>CPIA_Chatluonghanhchinhcong</b>	<b>2,630*</b> (1,463)
<b>CPIA_Tinhminhbach</b>	<b>-2,401*</b> (1,441)
<b>Von</b>	<b>0,418***</b> (0,0898)
<b>Laodong</b>	<b>0,204***</b> (0,0743)
Hằng số	45,20*** (8,954)
Số quan sát	231
R bình phương	0,240

*Chú thích:* Độ lệch chuẩn trong ngoặc đơn;

\*\*\*p < 0,01, \*\*p < 0,05, \*p < 0,1

*Nguồn:* Tính toán của tác giả dựa trên số liệu CPIA của Ngân hàng Thế giới năm 2012

Hệ số của 2 biến kiểm soát cho thấy sự phù hợp với các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản khi có tác động dương tới biến tăng trưởng GDP với độ tin cậy 1%. Nói cách khác, việc tăng quy mô vốn và lao động nhìn chung có tác động kích thích tăng trưởng GDP. Ngoài ra, hệ số của các biến này cũng cho thấy tác động của vốn và lao động tới tăng trưởng GDP của các quốc gia tương đối lớn (trung ứng là 0,20 và 0,41).

Tác động của nhóm biến CPIA tới tăng trưởng GDP lại có sự không thống nhất như

ước đoán ban đầu từ mô hình lý thuyết. Mặc dù cả hai biến đều có ý nghĩa trong mô hình với độ tin cậy 10%, chiều tác động tới tăng trưởng GDP của chúng ngược nhau. Biến chất lượng hành chính công (CPIA\_ChatluongHCC) có tác động dương trong khi biến tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng (CPIA\_Tinhminhbach) lại có tác động âm. Việc nghiên cứu cách tính toán chỉ số đã phần nào lý giải cho chiều biến này trong bảng kết quả.

Tác động tích cực của chất lượng hành chính công tới tăng trưởng GDP có thể được giải thích dựa vào vai trò của yếu tố này trong việc tạo ra cơ sở cho các khoản ưu tiên đầu tư hiệu quả (Mauro, 1995) hay vai trò thực hiện và duy trì một môi trường chính sách thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế (Rauch và Evans, 2000).

Việc giải thích kết quả tác động âm của biến CPIA\_Tinhminhbach tới tăng trưởng GDP khó khăn hơn rất nhiều khi biến này, như đã nói ở trên, bao gồm ba yếu tố thành phần với trọng số như nhau và được đánh giá theo điểm trung bình của ba yếu tố đó. Kết quả là tác động của biến này mang tính tương đối và chưa được tách bạch rõ ràng giữa các thành phần. Mối quan hệ giữa tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đã trở nên rõ ràng hơn và nhận được nhiều sự đồng thuận rằng có sự tác động dương tới tăng trưởng. Trong khi đó, mối quan hệ giữa yếu tố tham nhũng và tăng trưởng vẫn tiếp tục được tranh cãi và có chiều hướng thiên về tác động âm.

#### 4. Kết luận

Nhìn chung, với số liệu CPIA, nghiên cứu cho thấy, có mối quan hệ giữa chất lượng của bộ máy hành chính và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng trong khu vực công tới tăng trưởng GDP. Tác động của việc nâng cao chất lượng bộ máy hành chính tới tăng trưởng GDP là tích cực giống như trong nhiều nghiên cứu trước đây. Ngược lại, chỉ số bộ máy hành chính và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng lại có tác động tiêu cực tới

tăng trưởng GDP. Kết quả này cần phải kiểm định sâu hơn bằng các nghiên cứu tiếp theo, trong đó số liệu cho phép xem xét cụ thể các thành phần trong tính minh bạch bao gồm: trách nhiệm giải trình, khả năng tiếp cận thông tin, vấn đề giải quyết tham nhũng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy hàm ý muốn phát huy tác động tích cực của tính minh bạch trong khu vực công tới tăng trưởng, cần phải dựa vào các điều kiện khác như: mức độ phát triển của nền kinh tế, chất lượng thể chế, hành chính công...

### Tài liệu tham khảo

- [1] Acemoglu D, Hohnson S, Robinson J, Institution as the fundamental cause of long-run growth, P.M. Aghion và S.N. Durlauf (eds), Handbook of Economic Growth 1A, 385-472. Amsterdam: Elsevier, 2005.
- [2] Ahren R., Press Freedom, "Human Capital and Corruption", SSRN Electronic Journal, February 2002.
- [3] Alesina, Alberto and Beatrice Weder, "Do Corrupt Governments Receive Less Foreign Aid?", American Economic Review, 92 (2002) 4, 1126-1137.
- [4] Bardhan, Pranab, "Corruption and development: A review of the issues", Journal of Economic Literature, 35 (1997), 3, 1320-1346.
- [5] Besley, Timothy, "Property Rights and Investment Incentives: Theory and Evidence from Ghana", The Journal of Political Economy 103 (1995) 5, 903-37.
- [6] Besley, Timothy, Robin Burgess & Andrea Prat, "Mass Media and Political Accountability", In The Right to Know: Institutions and the Media, Roumeen Islam (ed.), World Bank, 2002.
- [7] Brunetti, A. & B. Weder, A free press is bad news for corruption. Mimeo WWZ9809, University of Basle, 1999.
- [8] Dyck, Alexander, David Moss & Luigi Zingales, Special Interests versus the Media, NBER Working Paper, 2008.
- [9] Easterly, William, Ross Levine, & David Roodman, "Aid, Policies, and Growth: Comment", American Economic Review 94 (2004) 3, 774-80.
- [10] Foster, M., Fozzard, A., Naschold, F. & Conway, T. (2002) How, When and Why Does Poverty Get Budget
- [11] Gyimah-Brempong, K., S. Muñoz de Camacho, Corruption, Growth, and Income, 2006.
- [12] Hall R. E., Jones C. I., "Why do some countries produce so much more output per worker than others?", Quarterly Journal of Economics 114 (1999), 83-116.
- [13] James E. Rauch & Peter B. Evans, "Bureaucratic structure and bureaucratic performance in less developed countries a,b, c", Journal of Public Economics 75 (2000), 49.
- [14] Johnson, Simon, John McMillan & Christopher Woodruff, "Property Rights and Finance", American Economic Review, 92 (2002) 5, 1335-56.
- [15] Johnson, Simon, John McMillan, & Christopher Woodruff, "Property Rights and Finance", The American Economic Review 92 (2002) 5, 1335-56.
- [16] Kaufmann, Daniel; Kraay, Aart & Zoido-Lobaton, Pablo, "Aggregating governance indicators", Policy, Research Working Paper, no. WPS 2195. Washington, DC: World Bank, 1999.
- [17] Knack S., Keefer P., "Institutions and economic performance: Cross-country tests using alternative measures", Economics and Politics 7 (1995), 207-227.
- [18] Leff, Nathaniel, "Economic development through bureaucratic corruption", The American Behavioral Scientist, 8 (1964), 8-14.
- [19] Lui, Francis T., "An equilibrium queuing model of bribery", Journal of Political Economy, 93 (1985), 760-781.
- [20] M. Foster, A. Fozzard, F. Naschold & T. Conway, "How, When and Why does Poverty get Budget Priority: Poverty Reduction Strategy and Public Expenditure in Five African Countries - Synthesis Paper", ODI Working Paper 168, May 2002.
- [21] Mazingo, Christopher, "Effects of Property Rights on Economic Activity: Lessons from the Stolypin Land Reform", Massachusetts Institute of Technology, Mimeo, 1999.
- [22] Olken, Benjamin, "Monitoring Corruption: Evidence from a Field Experiment in Indonesia", Journal of Political Economy 115 (2007) 2, 200-49.
- [23] Paolo Mauro, "Corruption and Growth", The Quarterly Journal of Economics, 110 (1995) 3, 681-712.



- [24] Paper 168 (London: Overseas Development Institute).
- [25] Priority? Poverty Reduction Strategy and Public Expenditure Reform in Five African Countries, Working
- [26] Reinikka, Ritva & Jakob Svensson, "Local Capture: Evidence from a Central Government Transfer Program in Uganda", *Quarterly Journal of Economics*, 119 (2004a) 2, 679-705.
- [27] Rodrik, Dani, "Institutions for High-Quality Growth: What They Are and How to Acquire Them", Draft paper prepared for The International Monetary Fund Conference on Second Generation Reforms, Washington, D.C., November 8-9, 1999.
- [28] Rodrik, Dani, Arvind Subramanian & Francesco Trebbi, "Institutions Rule: The Primacy of Institutions over Geography and Integration in Economic Development", NBER Working Paper No. 9305, 2002.
- [29] Sanjeev Gupta, Benedict Clements, Emanuele Baldacci, Carlos Mulas-Granados, "Fiscal policy, expenditure composition, and growth in low-income countries", *Journal of International Money and Finance* 24 (2005) 441-463.
- [30] Timothy Besley, "Property Rights and Investment Incentives: Theory and Evidence from Ghana", *Journal of Political Economy*, 103 (1995) 5, 903-37.
- [31] Williamson, John, "Latin American Adjustment: How much has happened", Washington, D. C: Institute for International Economics, 1990.
- [32] World Bank, "Country Policy and Institutional Assessment: An External Panel Review", The World Bank, April 5, 2004a.

## Economic Growth and Transparency in the Public Sector

Luong Thi Ngoc Ha

*VNU University of Economics and Business,  
144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The relationship between the public sector and economic growth has been proved by many studies. However, there is no consensus in the research results on the impact of the public sector on growth, especially in various aspects of the public sector such as the scale and extent of decentralization, transparency, etc. This study focuses on assessing the relationship between the transparency of the public sector and economic growth, using data from the Country Assessment of Institutional and National Policies (CPIA) of the World Bank in 2012. It is found that there is a correlation between the quality of the bureaucracy and transparency, accountability and corruption in the public sector and GDP growth. The improvement of the quality of the bureaucracy has a positive impact on GDP growth as indicated in many previous studies. In contrast, the index and transparency, accountability and corruption have a negative impact on GDP growth.

*Keywords:* Economic growth, transparency, public sector.